



**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**

Báo cáo tài chính cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thông tin Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký**  
**Doanh nghiệp số**

0100107155

ngày 15 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội. Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ngày 15 tháng 3 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh năm lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100107155 ngày 5 tháng 3 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Dũng  
Ông Nguyễn Minh Chung  
Bà Dương Thị Huệ  
Bà Nguyễn Thị Nga  
Bà Lê Thanh Hà  
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang  
Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Chủ tịch (*từ ngày 21/2/2024*)  
Chủ tịch (*đến ngày 20/2/2024*)  
Phó Chủ tịch (*từ ngày 21/2/2024*)  
Phó Chủ tịch (*đến ngày 20/2/2024*)  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Kim Hà  
Ông Trịnh Minh Tú  
Bà Vũ Hoài Châu

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Ông Trần Xuân Sơn  
Ông Nguyễn Thanh Tuyền  
Ông Nguyễn Trí Trung  
Bà Nguyễn Thị Hiền

Trưởng Ban  
Thành viên  
Thành viên (*từ ngày 9/6/2023*)  
Thành viên (*đến ngày 8/6/2023*)

**Trụ sở đăng ký**

Số 273 Phố Kim Mã, Phường Giảng Võ  
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-02-00160-24-1



Đoàn Thanh Toàn  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3073-2024-007-1  
*Phó Tổng Giám đốc*

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Quốc Khánh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 5594-2020-007-1

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>546.713.777.672</b>	<b>498.790.422.627</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>43.753.267.138</b>	<b>22.968.222.546</b>
Tiền	111		36.153.267.138	21.400.222.546
Các khoản tương đương tiền	112		7.600.000.000	1.568.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>461.143.000.000</b>	<b>446.045.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	461.143.000.000	446.045.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>39.209.897.006</b>	<b>29.154.199.054</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	11.463.500.205	11.724.644.900
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	1.320.160.509	399.163.115
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	26.474.152.314	17.078.307.061
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(47.916.022)	(47.916.022)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>352.462.086</b>	<b>381.272.505</b>
Hàng tồn kho	141		352.462.086	381.272.505
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.255.151.442</b>	<b>241.728.522</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		523.479.436	241.698.522
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	1.731.672.006	30.000

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>335.940.639.927</b>	<b>336.475.203.042</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.103.172.250</b>	<b>239.702.250</b>
Phải thu dài hạn khác	216		1.103.172.250	239.702.250
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.176.975.985</b>	<b>4.860.864.699</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.176.975.985	4.860.864.699
Nguyên giá	222		24.468.652.290	24.999.707.915
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.291.676.305)	(20.138.843.216)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>39.948.894.031</b>	<b>41.944.019.793</b>
Nguyên giá	231		75.824.021.957	75.236.709.739
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(35.875.127.926)	(33.292.689.946)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>134.259.259</b>	<b>-</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		134.259.259	-
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>287.580.206.073</b>	<b>287.377.892.957</b>
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	6(b)	285.774.104.867	285.774.104.867
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	1.872.600.730	1.872.600.730
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(b)	(66.499.524)	(268.812.640)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.997.132.329</b>	<b>2.052.723.343</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	2.997.132.329	2.052.723.343
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)			<b>882.654.417.599</b>	<b>835.265.625.669</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>33.623.439.334</b>	<b>32.906.750.271</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>27.992.338.534</b>	<b>25.128.138.937</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	445.482.618	1.273.313.851
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		56.625.370	194.511.896
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	4.784.451.078	3.689.308.981
Phải trả người lao động	314		875.134.410	2.586.849.608
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	2.812.251.561	1.107.178.158
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	4.760.800.737	4.300.778.214
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	12.629.148.099	10.070.335.019
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	1.628.444.661	1.905.863.210
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.631.100.800</b>	<b>7.778.611.334</b>
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	5.631.100.800	7.778.611.334
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>849.030.978.265</b>	<b>802.358.875.398</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	20	<b>849.030.978.265</b>	<b>802.358.875.398</b>
Vốn cổ phần	411	21	748.000.000.000	748.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		748.000.000.000	748.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.231.896.222	1.231.896.222
Cổ phiếu quỹ	415		(34.320.000)	(34.320.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	24.390.289.157	22.668.122.483
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		75.443.112.886	30.493.176.693
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST năm nay	421b		75.443.112.886	30.493.176.693
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>			<b>882.654.417.599</b>	<b>835.265.625.669</b>

Ngày 18 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Dương Thị Như  
 Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:



Tạ Ngọc Lãm  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Kim Hà  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	25	140.652.250.756	129.392.890.376
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	-	205.802.121
<b>Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	<b>140.652.250.756</b>	<b>129.187.088.255</b>
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	26	105.358.839.681	101.197.920.439
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>35.293.411.075</b>	<b>27.989.167.816</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	66.625.372.763	25.823.589.013
Chi phí tài chính	22		(149.538.956)	77.261.652
Chi phí bán hàng	25	28	7.297.320.403	6.674.889.517
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	9.169.751.135	8.517.703.900
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>85.601.251.256</b>	<b>38.542.901.760</b>
Thu nhập khác	31		230.638.904	117.395.477
Chi phí khác	32		29.140.250	70.063.048
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>201.498.654</b>	<b>47.332.429</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>85.802.749.910</b>	<b>38.590.234.189</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	10.359.637.024	8.097.057.496
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>75.443.112.886</b>	<b>30.493.176.693</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.009	408

Ngày 18 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Dương Thị Như  
Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:



Tạ Ngọc Lâm  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Kim Hà  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>85.802.749.910</b>	<b>38.590.234.189</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		2.772.671.069	2.787.263.960
Các khoản dự phòng	03		(202.313.116)	77.064.928
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.566.635.358)	(2.712.553.112)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(63.870.557.263)	(23.095.495.138)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>21.935.915.242</b>	<b>15.646.514.827</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(447.665.699)	(8.347.788.344)
Biến động hàng tồn kho	10		28.810.419	(17.454.364)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(1.251.722.984)	4.753.091.433
Biến động chi phí trả trước	12		(1.226.189.900)	(773.634.047)
			<b>19.039.147.078</b>	<b>11.260.729.505</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.343.057.496)	(5.695.530.684)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.649.611.500)	(1.878.600.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>8.046.478.082</b>	<b>3.686.598.821</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.542.154.361)	-
Tiền gửi cố kỳ hạn	23		(515.595.055.000)	(548.915.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi cố kỳ hạn	24		501.672.055.000	548.943.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		54.018.588.783	21.548.205.664
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>38.553.434.422</b>	<b>21.576.205.664</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền trả cổ tức	36		(26.169.566.000)	(26.168.140.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(26.169.566.000)</b>	<b>(26.168.140.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>20.430.346.504</b>	<b>(905.335.515)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>22.968.222.546</b>	<b>23.351.702.549</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>354.698.088</b>	<b>521.855.512</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>43.753.267.138</b>	<b>22.968.222.546</b>

Ngày 18 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Dương Thị Như  
Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:



Tạ Ngọc Lãm  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Kim Hà  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

## Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### (b) Hoạt động chính

Các hoạt động của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch và hàng hóa;
- Kinh doanh ăn uống, đặc sản cao cấp và bình dân (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Hướng dẫn du lịch, phiên dịch; dịch vụ thông tin (trừ loại thông tin Nhà nước cấm);
- Dịch vụ vui chơi, giải trí, xông hơi xoa bóp (không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền);
- Kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà ở cho các đối tượng trong và ngoài nước;
- Kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp;
- Lập dự án, đầu tư xây dựng và quản lý khu du lịch, khách sạn, khu đô thị, trung tâm thương mại dịch vụ;
- Các loại hình dịch vụ khác: cho thuê hoạt động (nấu ăn, phiên dịch, lái xe);
- Tổ chức hội nghị, hội thảo, kinh doanh hàng lưu niệm, tranh ảnh nghệ thuật, mỹ phẩm cao cấp; và
- May đo, giặt là, cắt uốn tóc, chăm sóc sắc đẹp, trang điểm (không bao gồm các dịch vụ gây chảy máu).

### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 3 đơn vị phụ thuộc (1/1/2023: 3 đơn vị phụ thuộc) như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	▪ Trung tâm Lữ hành	Số 273 Kim Mã, Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội	Dịch vụ du lịch
2	▪ Xí nghiệp Dịch vụ Du lịch	Số 273 Kim Mã, Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh cho thuê văn phòng, ăn uống và dịch vụ khác
3	▪ Trung tâm Dịch vụ, Đại lý vé máy bay	Số 273 Kim Mã, Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội	Đại lý vé máy bay

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 2 công ty liên doanh và 1 công ty liên kết (1/1/2023: 2 công ty liên doanh và 1 công ty liên kết) như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
<b>Công ty liên doanh</b>			
1	Công ty liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	D8, Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
2	Công ty TNHH Global Toserco	Số 40 Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
<b>Công ty liên kết</b>			
1	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	Số 269 Kim Mã, Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 72 nhân viên (1/1/2023: 73 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính này.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (cho các khoản mục tài sản) và bán chuyển khoản (cho các khoản mục phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát**

Cho mục đích của báo cáo tài chính này, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

## Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (iii) **Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### (d) **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### (e) **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

#### (f) **Tài sản cố định hữu hình**

##### (i) **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### (ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 25 – 35 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 5 – 25 năm  |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 10 năm      |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 5 năm       |

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 4 – 35 năm

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình chưa được lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí địa chính**

Chi phí địa chính phản ánh giá trị còn lại của khoản chi phí trả trước cho Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội liên quan đến dịch vụ tư vấn địa chính tại tòa nhà số 2 Núi Trúc, Quận Ba Đình, Hà Nội. Chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê đất là 50 năm.

**(ii) Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định và bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.



**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(k) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá mua trừ chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của kỳ kế toán năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bàng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Doanh thu cho thuê hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(o) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(p) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do đó, không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

## Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### (r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các cổ đông là doanh nghiệp có ảnh hưởng đáng kể và các công ty liên doanh, liên kết của Công ty.

### (s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

## 4. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Công ty có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Cho thuê văn phòng: kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà ở cho các tổ chức và cá nhân;
- Vận hành tour du lịch: kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa và các dịch vụ liên quan; và
- Đại lý vé máy bay: kinh doanh vé máy bay.

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng, hiện tại Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là trong lãnh thổ Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần của bộ phận	51.737.937.929	53.075.917.204	35.838.395.623	140.652.250.756
Kết quả kinh doanh của bộ phận	30.022.334.252	2.079.320.495	3.191.756.328	35.293.411.075
Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	66.411.909.993	514.216.988	260.693.357	67.186.820.338
Chi phí tài chính và các chi phí hoạt động kinh doanh khác	(11.632.206.029)	(1.981.719.981)	(3.063.555.493)	(16.677.481.503)
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	84.802.038.216	611.817.502	388.894.192	85.802.749.910
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(10.359.637.024)
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp				75.443.112.886

**Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

	Cho thuê văn phòng VND	Vận hành tour du lịch VND	Đại lý vé máy bay VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần của bộ phận	45.888.486.597	51.829.232.915	31.469.368.743	129.187.088.255
Kết quả kinh doanh của bộ phận	23.010.683.477	2.240.480.731	2.738.003.608	27.989.167.816
Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	25.152.895.276	504.221.958	283.867.256	25.940.984.490
Chi phí tài chính và các chi phí hoạt động kinh doanh khác	(11.298.660.600)	(1.738.417.517)	(2.302.840.000)	(15.339.918.117)
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	36.864.918.153	1.006.285.172	719.030.864	38.590.234.189
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(8.097.057.496)
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp				30.493.176.693

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

	<b>Cho thuê văn phòng VND</b>	<b>Vận hành tour du lịch VND</b>	<b>Đại lý vé máy bay VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tài sản của bộ phận	879.443.199.183	1.213.746.696	1.997.471.720	882.654.417.599
Nợ phải trả của bộ phận	31.412.932.612	601.929.194	1.608.577.528	33.623.439.334

**Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

	<b>Cho thuê văn phòng VND</b>	<b>Vận hành tour du lịch VND</b>	<b>Đại lý vé máy bay VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	190.233.089	-	-	190.233.089
Khấu hao bất động sản đầu tư	2.582.437.980	-	-	2.582.437.980
Chi tiêu vốn	1.542.154.361	-	-	1.542.154.361



**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023**

	<b>Cho thuê văn phòng VND</b>	<b>Vận hành tour du lịch VND</b>	<b>Đại lý vé máy bay VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tài sản của bộ phận	830.158.770.927	2.867.038.787	2.239.815.955	835.265.625.669
Nợ phải trả của bộ phận	29.525.211.565	1.860.753.615	1.520.785.091	32.906.750.271

**Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

	<b>Cho thuê văn phòng VND</b>	<b>Vận hành tour du lịch VND</b>	<b>Đại lý vé máy bay VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	462.474.212	-	-	462.474.212
Khấu hao bất động sản đầu tư	2.324.789.748	-	-	2.324.789.748
Chi tiêu vốn	-	-	-	-

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	78.790.667	96.294.005
Tiền gửi ngân hàng	36.074.476.471	21.303.928.541
Các khoản tương đương tiền	7.600.000.000	1.568.000.000
	<hr/>	<hr/>
	43.753.267.138	22.968.222.546

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 3,5%/năm (1/1/2023: 4,6%/năm).

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại. Các khoản tiền gửi bằng VND hưởng lãi suất từ 3,8% đến 10,3%/năm (1/1/2023: 5,1% đến 11,2%/năm) và các khoản tiền gửi bằng USD hưởng lãi suất 0%/năm (1/1/2023: 0%/năm).

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	%	% sở hữu	% quyền biểu quyết	31/12/2023		Giá trị hợp lý VND
						Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Đầu tư góp vốn vào:								
▪ Công ty liên doanh, liên kết								
• Công ty TNHH Global Tosserco	Hà Nội		35,00%	35,00%	209.672.714.716	-	(*)	
• Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	Hà Nội		29,58%	29,58%	61.365.277.633	-	(*)	
• Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	Hà Nội	178.625	40,00%	40,00%	14.736.112.518	(66.499.524)	(*)	
					285.774.104.867	(66.499.524)		
▪ Đơn vị khác								
• Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi	Hà Nội	13.000	5,20%	5,20%	1.872.600.730	-	(*)	
					287.646.705.597	(66.499.524)		



**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

				1/1/2023			
	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>							
▪ Công ty liên doanh, liên kết							
• Công ty TNHH Global Tosarco	Hà Nội		35,00%	35,00%	209.672.714.716	-	(*)
• Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	Hà Nội		29,58%	29,58%	61.365.277.633	-	(*)
• Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	Hà Nội	178.625	40,00%	40,00%	14.736.112.518	(268.812.640)	(*)
					<b>285.774.104.867</b>	<b>(268.812.640)</b>	
<b>Đơn vị khác</b>							
▪ Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi	Hà Nội	13.000	5,20%	5,20%	1.872.600.730	-	(*)
					<b>287.646.705.597</b>	<b>(268.812.640)</b>	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá gốc các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên doanh, liên kết và đơn vị khác của Công ty là giá trị đánh giá lại được phê duyệt theo Quyết định số 7189/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội. Các khoản đầu tư này được Công ty định giá lại theo hướng dẫn của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”), Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59 và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2014 hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Honda Việt Nam	2.005.211.000	1.600.182.530
Công ty TNHH Yamaha Việt Nam	1.530.412.000	3.035.534.381
Công ty TNHH Ericsson Việt Nam	1.101.879.724	3.002.023.328
Các khách hàng khác	6.825.997.481	4.086.904.661
	<hr/>	<hr/>
	11.463.500.205	11.724.644.900
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	31/12/2023				1/1/2023			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ quá hạn</i>								
Công ty TNHH Xuân Hương	Từ 1 - 2 năm	356.916.022	(47.916.022)	309.000.000	Dưới 1 năm	356.916.022	(47.916.022)	309.000.000

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Phát triển Xây dựng và Thương mại Tùng Lâm	625.757.404	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thái An Bình	688.481.105	-
Công ty TNHH Cửa công nghệ mới CNM	-	249.177.115
Các nhà cung cấp khác	5.922.000	149.986.000
	<hr/>	
	1.320.160.509	399.163.115
	<hr/>	

**10. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	20.482.447.755	10.630.479.275
Ký cược, ký quỹ	5.402.350.000	5.461.465.000
Tạm ứng cho nhân viên	182.500.000	266.340.000
Phải thu ngắn hạn khác	406.854.559	720.022.786
	<hr/>	
	26.474.152.314	17.078.307.061
	<hr/>	

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	5.494.086.156	17.096.963.577	2.371.258.182	37.400.000	24.999.707.915
Tăng trong năm	51.056.593	-	-	42.600.000	93.656.593
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(587.312.218)	-	-	-	(587.312.218)
Thanh lý	-	-	-	(37.400.000)	(37.400.000)
Số dư cuối năm	4.957.830.531	17.096.963.577	2.371.258.182	42.600.000	24.468.652.290
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	2.206.700.394	16.771.506.349	1.123.236.473	37.400.000	20.138.843.216
Khấu hao trong năm	174.188.879	23.378.016	237.125.820	3.389.677	438.082.392
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(247.849.303)	-	-	-	(247.849.303)
Thanh lý	-	-	-	(37.400.000)	(37.400.000)
Số dư cuối năm	2.133.039.970	16.794.884.365	1.360.362.293	3.389.677	20.291.676.305
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	3.287.385.762	325.457.228	1.248.021.709	-	4.860.864.699
Số dư cuối năm	2.824.790.561	302.079.212	1.010.895.889	39.210.323	4.176.975.985

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 16.583.514.485 VND (1/1/2023: 16.580.819.940 VND) đã khấu hao hết và đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	75.236.709.739
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	587.312.218
	<hr/>
Số dư cuối năm	75.824.021.957
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	33.292.689.946
Khấu hao trong năm	2.334.588.677
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	247.849.303
	<hr/>
Số dư cuối năm	35.875.127.926
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	41.944.019.793
Số dư cuối năm	39.948.894.031
	<hr/>

Trong bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các bất động sản đầu tư có nguyên giá 2.032.166.459 VND (1/1/2023: 2.032.166.459 VND) đã khấu hao hết và đang được sử dụng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí địa chính VND</b>	<b>Chi phí khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu năm	747.289.818	1.305.433.525	2.052.723.343
Tăng trong năm	-	2.134.997.827	2.134.997.827
Phân bổ trong năm	(36.158.880)	(1.154.429.961)	(1.190.588.841)
Số dư cuối năm	711.130.938	2.286.001.391	2.997.132.329

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
Công ty Điện lực Ba Đình	120.829.255	124.783.931
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Thương mại và Công nghệ Tài Phát	71.041.418	-
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Đất Việt	60.804.000	55.317.600
Công ty TNHH Hoàn Mỹ	51.881.040	48.038.400
Công ty TNHH IATA Việt Nam	47.349.000	85.205.250
Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Ngọc Trúc	-	468.250.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quà tặng XMAX	-	149.688.000
Các nhà cung cấp khác	93.577.905	342.030.670
	445.482.618	1.273.313.851

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ đã khấu trừ trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	265.063.768	8.678.422.578	(8.593.582.866)	349.903.480
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.391.057.496	10.359.637.024	(9.343.057.496)	4.407.637.024
Thuế thu nhập cá nhân	33.187.717	702.088.080	(708.365.223)	26.910.574
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(30.000)	7.280.286.855	(9.011.928.861)	(1.731.672.006)
Các loại thuế khác	-	16.000.000	(16.000.000)	-
	<b>3.689.278.981</b>	<b>27.036.434.537</b>	<b>(27.672.934.446)</b>	<b>3.052.779.072</b>
<i>Trong đó:</i>				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	30.000			1.731.672.006
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.689.308.981			4.784.451.078

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí lương phải trả	2.121.186.276	636.896.087
Chi phí phải trả khác	691.065.285	470.282.071
	<b>2.812.251.561</b>	<b>1.107.178.158</b>

**17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn phản ánh số tiền các khách hàng đã trả trước tiền thuê văn phòng từ 3 tháng đến 1 năm.



**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	111.080.301	101.556.301
Nhận ký quỹ, ký cược	6.152.372.451	3.844.595.454
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	992.607.947	1.059.607.947
Phải trả ngắn hạn khác	5.373.087.400	5.064.575.317
	<b>12.629.148.099</b>	<b>10.070.335.019</b>

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	5.631.100.800	7.778.611.334
	<b>5.631.100.800</b>	<b>7.778.611.334</b>

Phải trả dài hạn khác phản ánh các khoản đặt cọc dài hạn từ các khách hàng thuê văn phòng của Công ty.

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.905.863.210	2.493.982.363
Trích lập trong năm	1.372.192.951	1.290.480.847
Sử dụng trong năm	(1.649.611.500)	(1.878.600.000)
	<b>1.628.444.661</b>	<b>1.905.863.210</b>

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2022</b>	748.000.000.000	1.231.896.222	(34.320.000)	20.554.504.503	30.586.896.152	800.338.976.877
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	30.493.176.693	30.493.176.693
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.113.617.980	(2.113.617.980)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.290.480.847)	(1.290.480.847)
Trích Quỹ thường Ban Tổng Giám đốc, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.003.707.325)	(1.003.707.325)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(26.179.090.000)	(26.179.090.000)
<b>Số dư tại ngày 1/1/2023</b>	748.000.000.000	1.231.896.222	(34.320.000)	22.668.122.483	30.493.176.693	802.358.875.398
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	75.443.112.886	75.443.112.886
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.722.166.674	(1.722.166.674)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.372.192.951)	(1.372.192.951)
Trích Quỹ thường Ban Tổng Giám đốc, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.219.727.068)	(1.219.727.068)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(26.179.090.000)	(26.179.090.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2023</b>	748.000.000.000	1.231.896.222	(34.320.000)	24.390.289.157	75.443.112.886	849.030.978.265

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>31/12/2023 và 1/1/2023</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	74.800.000	748.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>	74.800.000	748.000.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b> Cổ phiếu phổ thông	(2.600)	(34.320.000)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	74.797.400	747.974.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**22. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 9 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 26.179.090.000 VND (2022: 26.179.090.000 VND).

**23. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	3.569.873	85.998.233.102	3.758.850	87.806.727.357
EUR	235	6.212.254	245	6.095.257
		86.004.445.356		87.812.822.614

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu cho thuê văn phòng	51.737.937.929	46.094.288.718
▪ Doanh thu vận hành tour du lịch	53.075.917.204	51.829.232.915
▪ Doanh thu từ đại lý vé máy bay	35.838.395.623	31.469.368.743
	140.652.250.756	129.392.890.376
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	-	(205.802.121)
	140.652.250.756	129.187.088.255

**26. Giá vốn cung cấp dịch vụ**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Giá vốn cho thuê văn phòng	21.715.603.677	22.877.803.120
Giá vốn vận hành tour du lịch	50.996.596.709	49.588.752.184
Giá vốn từ đại lý vé máy bay	32.646.639.295	28.731.365.135
	105.358.839.681	101.197.920.439

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	33.660.247.953	22.903.858.033
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.210.309.310	191.637.105
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	188.180.142	15.540.763
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.566.635.358	2.712.553.112
	66.625.372.763	25.823.589.013

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Chi phí bán hàng**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	6.781.784.163	5.967.956.952
Chi phí khấu hao	6.999.235	16.798.164
Chi phí dịch vụ mua ngoài	235.124.564	231.874.155
Chi phí bằng tiền khác	273.412.441	458.260.246
	7.297.320.403	6.674.889.517
	7.297.320.403	6.674.889.517

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	7.367.160.034	6.754.482.195
Chi phí khấu hao	405.010.489	401.620.812
Chi phí dịch vụ mua ngoài	809.627.787	710.131.546
Chi phí khác	587.952.825	651.469.347
	9.169.751.135	8.517.703.900
	9.169.751.135	8.517.703.900

**30. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	336.767.725	537.709.310
Chi phí nhân viên	17.877.546.144	16.372.600.439
Chi phí khấu hao	2.772.671.069	2.787.263.960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.558.945.794	93.792.716.278
Chi phí khác	2.235.981.407	2.944.222.949
	121.781.912.139	116.434.512.936
	121.781.912.139	116.434.512.936

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	10.784.561.049	8.097.057.496
Dự phòng thừa trong những năm trước	(424.924.025)	-
	10.359.637.024	8.097.057.496

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	85.802.749.910	38.590.234.189
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	17.160.549.982	7.718.046.838
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(6.042.061.862)	(38.327.421)
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	179.400.000	153.940.477
Ảnh hưởng của biến động các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(513.327.071)	263.397.602
Dự phòng thừa trong những năm trước	(424.924.025)	-
	10.359.637.024	8.097.057.496

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **32. Lãi trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 75.443.112.886 VND (2022: 30.493.176.693 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 74.797.400 cổ phiếu (2022: 74.797.400 cổ phiếu).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này cho năm 2023. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

### **33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Công ty liên doanh</b>		
<b>Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel</b>		
Nhận cổ tức	30.210.309.310	-
Cung cấp dịch vụ	618.492.914	807.158.334
Mua hàng hóa	45.170.185	45.909.259
<b>Bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ Phần Hanoitourist Taxi</b>		
Nhận cổ tức	-	191.637.105
<b>Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể</b>		
<b>Tổng Công ty Du lịch Hà Nội – Công ty TNHH</b>		
Chi trả cổ tức	11.831.050.000	11.831.050.000
<b>Công ty Cổ phần Phát triển TN</b>		
Chi trả cổ tức	7.000.000.000	7.000.000.000
<b>Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt</b>		
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
<b>Ông Nguyễn Minh Chung – Chủ tịch</b>		
Lương, thưởng và thù lao	403.500.355	355.432.737
<b>Bà Nguyễn Thị Nga – Phó Chủ tịch</b>		
Lương, thưởng và thù lao	312.375.265	276.324.554

**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
<b>Bà Lê Thanh Hà – Thành viên</b> Lương, thưởng và thù lao	234.250.177	210.216.370
<b>Bà Vũ Thị Quỳnh Trang – Thành viên</b> Lương, thưởng và thù lao	234.250.177	210.216.370
<b>Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên</b> Lương, thưởng và thù lao	234.250.177	184.146.050
<b>Ông Lê Minh Thành – Phó Chủ tịch</b> Lương, thưởng và thù lao	-	39.105.480
<b>Ông Trần Ngọc Tiến – Thành viên</b> Lương, thưởng và thù lao	-	26.070.320
<b>Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh – Thành viên</b> Lương, thưởng và thù lao	-	26.070.320
<b>Ban Tổng Giám đốc</b> <b>Ông Nguyễn Kim Hà – Tổng Giám đốc</b> Lương và thưởng	988.170.177	885.176.370
<b>Ông Trịnh Minh Tú – Phó Tổng Giám đốc</b> Lương và thưởng	520.200.141	500.973.096
<b>Bà Vũ Hoài Châu – Phó Tổng Giám đốc</b> Lương và thưởng	596.040.141	458.733.096
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b> <b>Ông Trần Xuân Sơn – Trưởng ban</b> Lương, thưởng và thù lao	460.400.141	441.173.096
<b>Bà Nguyễn Thị Hiền – Thành viên</b> Lương, thưởng và thù lao	78.458.421	105.108.185
<b>Ông Nguyễn Thanh Tuyên – Thành viên</b> Lương, thưởng và thù lao	117.125.088	92.073.025
<b>Ông Nguyễn Trí Trung – Thành viên</b> Thù lao và thưởng	38.666.667	-
<b>Bà Đào Thị Hiền – Thành viên</b> Lương, thưởng và thù lao	-	13.035.160



**Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**34. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chuyển từ tiền gửi tiết kiệm qua kỳ quỹ ngắn hạn	1.000.000.000	-

**35. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Dương Thị Như  
Phó phòng Kế toán

Người kiểm tra:

Tạ Ngọc Lãm  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Kim Hà  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số: 58/TSC

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Năm 2023

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hà Nội**

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng vượt quá 10% của năm 2023 so với năm 2022 như sau:

ĐVT: VNĐ

Nội dung	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4= 2 – 3)	(5 = 4/2)
Lợi nhuận sau thuế	75.443.112.886	30.493.176.693	44.949.936.193	147,41%

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 tăng 44.949.936.193 đồng so với năm 2022 là do:

- Năm 2023 nhận được lợi nhuận được chia từ liên doanh là 30,21 tỷ đồng trong khi năm 2022 chỉ nhận được 0,19 tỷ đồng.

- Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ năm 2023 tăng 7,30 tỷ đồng so với năm 2022.

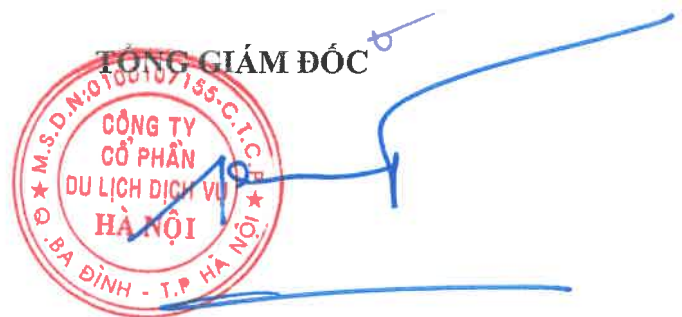
- Doanh thu tài chính từ hoạt động tiền gửi năm 2023 tăng 10,76 tỷ đồng so với năm 2022.

Đây là những nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự chênh lệch trên.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu VT, TCKT.



**NGUYỄN KIM HÀ**